

Số: /2024/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 của Chính phủ về việc ban hành quy chế Khu Công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

Thực hiện Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ về việc chuyển giao Khu Công nghệ cao Hòa Lạc thuộc quyền quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ về Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội quản lý;

Thực hiện Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển giao Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc từ Bộ Khoa học và Công nghệ về Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội;

Thực hiện Quyết định số 1112/TTg-ĐMDN ngày 18 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước đối với Công ty TNHH MTV Phát triển Khu Công nghệ cao Hòa Lạc từ Bộ Khoa học và Công nghệ về Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc vụ tại Tờ trình số 21/TTr-CNCHL ngày 23 tháng 01 năm 2024 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 267/TTr-SNV ngày 25 tháng 01 năm 2023 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc (sau đây viết tắt là Ban Quản lý) là tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là UBND Thành phố), thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc (sau đây viết tắt là Khu Công nghệ cao) và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và các quy định khác có liên quan để phát triển Khu Công nghệ cao.

2. Ban Quản lý có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu có hình Quốc huy, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng; là đơn vị dự toán cấp 1 và đầu mối được giao chỉ tiêu kế hoạch hằng năm; được cấp kinh phí quản lý hành chính, kinh phí hoạt động sự nghiệp, vốn đầu tư phát triển và các nguồn kinh phí khác từ ngân sách Nhà nước; có trụ sở tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Xây dựng, trình UBND Thành phố phê duyệt, ban hành hoặc đề trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành theo thẩm quyền:

a) Kế hoạch phát triển trung hạn và dài hạn đối với Khu Công nghệ cao;

b) Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ, huy động nguồn lực, xã hội hóa để xây dựng và phát triển Khu Công nghệ cao phù hợp với điều kiện thực tế trong từng thời kỳ theo quy định của pháp luật;

c) Cơ chế thu hút, chính sách ưu đãi đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại Ban Quản lý;

d) Các dự án đầu tư phát triển sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn trái phiếu Chính phủ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (không bao gồm nội dung quy định tại điểm b khoản 5 Điều này);

đ) Các văn bản quy phạm pháp luật về Khu Công nghệ cao; quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ban Quản lý.

2. Tổ chức thực hiện, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, chương trình trong Khu Công nghệ cao sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc ban hành.

3. Ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Ban Quản lý; các văn bản hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, quy định nội bộ theo quy định của pháp luật.

4. Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, dự toán ngân sách hằng năm và kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các sở chuyên ngành tổng hợp theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước.

5. Về quản lý nguồn vốn và kế hoạch phát triển

a) Thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư, tổ chức thực hiện các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức và các nguồn vốn hợp pháp khác được giao quản lý theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định đầu tư và thực hiện các thẩm quyền của người quyết định đầu tư đối với các dự án đầu tư tại Khu Công nghệ cao sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc nhóm B, C; tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, ký kết thỏa thuận đầu tư và ký kết hợp đồng dự án với các nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư thuộc nhóm B, C theo hình thức đối tác công tư (PPP) theo ủy quyền của Chủ tịch UBND Thành phố và theo quy định của pháp luật;

c) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) để đầu tư xây dựng và phát triển Khu Công nghệ cao;

d) Tổ chức thực hiện kế hoạch xây dựng và phát triển Khu Công nghệ cao sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Về hợp tác và xúc tiến đầu tư

a) Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, quảng bá trong nước và nước ngoài để thu hút các nguồn lực đầu tư vào Khu Công nghệ cao;

b) Xây dựng và duy trì quan hệ hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, các khu công nghệ cao, các Hiệp hội, các khu khoa học trong nước và nước ngoài;

c) Hợp tác, đầu tư với nước ngoài về công nghệ cao theo quy định của pháp luật;

d) Hợp tác, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trong các lĩnh vực có liên quan để phát triển và quản lý, khai thác Khu Công nghệ cao theo quy định của pháp luật; được thu hút vốn nước ngoài thực hiện dịch vụ tư vấn xúc tiến đầu tư, tư vấn chiến lược về đầu tư, xây dựng và phát triển Khu Công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

7. Về quản lý đầu tư

a) Chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư; cấp, cấp lại, hiệu đính, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đối với các dự án thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư và đấu thầu;

b) Quyết định ngừng hoặc ngừng một phần, chấm dứt hoặc chấm dứt một phần hoạt động của dự án đầu tư và thực hiện các thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật về đầu tư;

c) Hướng dẫn việc thực hiện các biện pháp bảo đảm thực hiện dự án đầu tư; ký kết văn bản thỏa thuận bảo đảm thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất và thực hiện các thủ tục đảm bảo thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

d) Theo dõi và đánh giá việc triển khai dự án tại Khu Công nghệ cao theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, các Giấy phép khác theo quy định của pháp luật.

8. Về quản lý hoạt động của doanh nghiệp tại Khu Công nghệ cao

a) Tổng hợp, thống kê, theo dõi, kiểm tra hoạt động của các doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy phép thành lập văn phòng đại diện thương mại của tổ chức và thương nhân nước ngoài; chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện thương mại theo quy định của pháp luật;

c) Cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo ủy quyền.

9. Quản lý lao động trong Khu Công nghệ cao được thực hiện theo quy định của pháp luật.

10. Về quản lý, sử dụng đất đai

a) Được giao đất (gồm cả đất và mặt nước) để tổ chức xây dựng và phát triển Khu Công nghệ cao theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng và các cơ quan liên quan để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho Khu Công nghệ cao;

c) Quyết định giao lại đất không thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất, gia hạn sử dụng đất, thu hồi đất đã giao lại hoặc cho thuê theo quy định của pháp luật; ký hợp đồng thuê đất với người thuê đất trong Khu Công nghệ cao;

d) Ban hành mức thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng hoàn trả; xác định giá đất cụ thể và đơn giá thuê đất trên cơ sở hệ số điều chỉnh giá đất và tỷ lệ phần trăm tính đơn giá thuê đất hàng năm do UBND Thành phố ban hành; thông báo số tiền thuê đất và số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng hoàn trả người sử dụng đất phải nộp, số tiền người sử dụng đất được khấu trừ; chấp thuận đơn giá cho thuê lại đất theo đề xuất của chủ đầu tư hạ tầng;

đ) Quyết định miễn, giảm tiền thuê đất và xác định số tiền thuê đất được miễn, giảm đối với từng dự án đầu tư;

e) Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

g) Tổ chức thẩm định nhu cầu sử dụng đất và điều kiện cho thuê đất; quản lý, theo dõi việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật về đất đai của người sử dụng đất.

11. Về quản lý quy hoạch và xây dựng

a) Quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng Khu Công nghệ cao sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Tổ chức lập quy hoạch phân khu các khu chức năng; thẩm định, phê duyệt quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và quy hoạch tổng mặt bằng; tổ chức thực hiện quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Thực hiện việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi, hủy Giấy phép xây dựng đối với các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của UBND cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về xây dựng; giới thiệu địa điểm; cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng;

d) Thực hiện trách nhiệm của cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố về thẩm định hoặc thẩm định điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; thẩm định hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với các dự án đầu tư xây dựng tại Khu Công nghệ cao (bao gồm các dự án do Chủ tịch UBND thành phố phân cấp, ủy quyền cho Ban Quản lý quyết định đầu tư);

đ) Thực hiện trách nhiệm của cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố về kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng tại Khu Công nghệ cao.

12. Về bảo vệ môi trường

a) Thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

b) Hướng dẫn, kiểm tra chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong Khu Công nghệ cao thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện các quy định bảo vệ môi trường;

c) Phối hợp với cơ quan chức năng giải quyết các tranh chấp về môi trường giữa các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ trong Khu Công nghệ cao hoặc với các tổ chức, cá nhân ngoài phạm vi Khu Công nghệ cao;

d) Tổ chức thực hiện quan trắc môi trường Khu Công nghệ cao và báo cáo kết quả quan trắc gửi cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định;

đ) Phối hợp kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường đối với các hoạt động của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong Khu Công nghệ cao;

e) Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Khu Công nghệ cao gửi Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

13. Quản lý, hỗ trợ về khoa học và công nghệ

a) Tổ chức đánh giá chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ, đánh giá việc đáp ứng các tiêu chí về khoa học và công nghệ; kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện cam kết về khoa học - công nghệ của các dự án đầu tư tại Khu Công nghệ cao theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách về khoa học và công nghệ sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại Khu Công nghệ cao và các hoạt động truyền thông về khoa học và công nghệ;

c) Tiếp nhận và triển khai thực hiện các nguồn vốn, nguồn lực hỗ trợ đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao. Thúc đẩy kết nối các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, tạo nên tảng và môi trường thuận lợi cho hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tại Khu Công nghệ cao;

d) Hỗ trợ, tổ chức thực hiện ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tiếp nhận, quảng bá, trình diễn và chuyên giao công nghệ; đào tạo, sát hạch và cung cấp nguồn nhân lực công nghệ cao theo quy định của pháp luật;

đ) Phê duyệt, chỉ đạo các đơn vị thuộc Ban Quản lý thực hiện nghiên cứu các nhiệm vụ cấp cơ sở, bao gồm: đề tài, đề án, dự án khoa học và ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ;

e) Tổ chức thực hiện các hoạt động tư vấn, dịch vụ về ươm tạo, đào tạo, sát hạch, chuyên giao công nghệ cao, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và cung ứng nhân lực công nghệ cao.

14. Lập biên bản đối với các vi phạm hành chính trong lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, đất đai, môi trường, đầu tư, lao động tại Khu Công nghệ cao và chuyển biên bản đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính để xử lý theo quy định.

15. Yêu cầu các tổ chức kinh tế, nhà đầu tư theo thẩm quyền báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình hoạt động theo quy định của pháp luật.

16. Về quản lý các dịch vụ và bảo đảm an ninh, trật tự

a) Quản lý các hoạt động khai thác, kinh doanh, dịch vụ, sử dụng các công trình đầu tư; trực tiếp quản lý, khai thác, sử dụng và duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật do Nhà nước đầu tư tại Khu Công nghệ cao;

b) Quyết định mức thu và tổ chức thu tiền sử dụng hạ tầng kỹ thuật đối với các công trình do Nhà nước đầu tư; chấp thuận mức thu tiền sử dụng hạ tầng, tiền thu hồi chi phí san lấp mặt bằng trong các khu chức năng có chủ đầu tư hạ tầng theo đề xuất của các chủ đầu tư hạ tầng;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan bảo đảm an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy và thực hiện nếp sống văn hóa tại Khu Công nghệ cao; tổ chức lực lượng bảo vệ để duy trì, bảo đảm an ninh trật tự trong Khu Công nghệ cao.

17. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quy hoạch, xây dựng, kế hoạch, đầu tư, môi trường, đất đai, lao động, khoa học - công nghệ và các lĩnh vực khác tại Khu Công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

18. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được giao; thu và quản lý sử dụng các loại phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

19. Tổ chức thu, nộp tiền bồi thường giải phóng mặt bằng hoàn trả, tiền ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án hoặc tiền bảo lãnh về nghĩa vụ ký quỹ để đảm bảo thực hiện dự án đầu tư của tổ chức tín dụng phát hành trong trường hợp nhà đầu tư vi phạm theo quy định tại Nghị định 74/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.

20. Xét cho phép sử dụng thẻ doanh nhân APEC đối với doanh nhân Việt Nam đang làm việc trong các doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp và Luật đầu tư hoạt động tại Khu Công nghệ cao.

21. Là cơ quan chủ trì và là đầu mối phối hợp thực hiện các thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa” và “một cửa liên thông” tại Khu Công nghệ cao. Xây dựng và ban hành quy chế phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thuộc UBND Thành phố.

22. Quản lý về tổ chức bộ máy, công chức, viên chức và người lao động; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, từ chức, cách chức, thôi việc, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý theo quy định của pháp luật.

23. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với Khu Công nghệ cao theo phân cấp, ủy quyền của UBND Thành phố và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

24. Định kỳ báo cáo UBND Thành phố và các Bộ, cơ quan có liên quan về tình hình đầu tư, xây dựng, phát triển, quản lý và hoạt động của Khu Công nghệ cao.

25. Thực hiện cải cách hành chính tại Khu Công nghệ cao theo chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của UBND Thành phố.

26. Đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước (Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Khu Công nghệ cao Hòa Lạc HHPD) theo phân cấp, ủy quyền của UBND Thành phố.

27. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chủ tịch UBND Thành phố giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Các đơn vị chuyên môn trực thuộc Ban Quản lý

- a) Văn phòng;
- b) Ban Kế hoạch - Tài chính;
- c) Ban Hợp tác và Đầu tư;
- d) Ban Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường;
- đ) Ban Khoa học và Công nghệ.

2. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban Quản lý

- a) Trung tâm Ươm tạo và Đào tạo công nghệ cao;
- b) Trung tâm Dịch vụ và Đổi mới công nghệ;
- c) Ban quản lý các dự án và Khai thác hạ tầng.

3. Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.

Điều 4. Lãnh đạo Ban Quản lý

1. Lãnh đạo Ban Quản lý có Trưởng Ban và không quá 04 Phó Trưởng ban;

2. Trưởng ban là người đứng đầu Ban Quản lý, có trách nhiệm điều hành mọi hoạt động của Ban Quản lý, chịu trách nhiệm trước UBND Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban Quản lý; thực hiện các chức trách, nhiệm vụ của Trưởng ban theo các quy định hiện hành của Trung ương và Thành phố;

3. Phó Trưởng ban là người giúp Trưởng ban chỉ đạo một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công; khi Trưởng ban vắng mặt, một Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Ban Quản lý;

4. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Trưởng ban và Phó Trưởng ban do Chủ tịch UBND Thành phố quyết định theo quy định của pháp luật;

5. Việc miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng ban và Phó Trưởng ban do Chủ tịch UBND Thành phố quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Biên chế công chức và số lượng người làm việc

1. Biên chế công chức và số lượng người làm việc của Ban Quản lý do UBND Thành phố giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và thuộc tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của Thành phố do cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Ban Quản lý chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao trình UBND Thành phố quyết định.

Điều 6. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.
2. Sau khi Nghị định quy định về khu công nghệ cao được ban hành và có hiệu lực thi hành, Ban Quản lý chủ trì xây dựng và trình UBND Thành phố ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thay thế Quyết định này.
3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc Sở Nội vụ; Trưởng ban Ban Quản lý; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Nội vụ (Vụ pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Thường trực Thành ủy,
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố;
- VPUBNDTP: các PCVP,
các phòng: NC, TH, KTN;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, NC.

Lê Hồng Sơn